

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025)
LỚP K16A-D3A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht : 5 5 5 3								
				Số thứ tự : (1) (2) (3) (4)								
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011014	Trần Trọng	An	03/05/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
2	16011013	Lê Thị Quỳnh	Anh	21/01/2004	7.2	7.9	7.3	7.3	7.4	Khá		
3	16011013	Nguyễn Thị	Ánh	19/07/2004	1.4	7.8	6.9	0.0	4.5	Yếu		2=50.0%(4:0)
4	16011011	Bùi Viết	Chuyên	26/03/2004	7.8	8.5	7.9	7.6	8.0	Giỏi		
5	16011012	Điêu Thị Kiều	Diễm	04/01/2004	3.9	7.8	6.1	7.0	6.1	T.bình khá		1=25.0%
6	16011019	Hoàng Thị	Diệp	28/09/2004	0.0	1.9	0.0	0.0	0.5	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
7	16011016	Bùi Vũ	Định	01/10/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
8	16011011	Lương Minh	Đức	05/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
9	16011009	Nguyễn Thị Hải	Duyên	03/01/2003	7.4	7.9	7.1	7.1	7.4	Khá		
10	16011016	Hoàng Thị Khánh	Duyên	09/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
11	16011017	Bùi Quỳnh	Giang	19/10/2004	7.0	7.7	6.9	7.2	7.2	Khá		
12	16011017	Lê Thị	Hiền	04/05/2003	7.2	8.4	6.9	7.5	7.5	Khá		
13	16011016	Phùng Thị	Hồng	02/08/2004	7.3	8.1	7.2	7.4	7.5	Khá		
14	16011009	Bùi Thị Quỳnh	Hương	27/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
15	16011012	Quách Thị Thu	Hương	17/01/2004	0.3	2.7	0.0	0.0	0.8	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
16	16011016	Nguyễn Linh	Hương	18/03/2004	7.0	7.6	6.7	7.1	7.1	Khá		
17	16011019	Nguyễn Thị Diệu	Hương	22/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
18	16011019	Trần Thị Thanh	Huyền	07/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
19	16011013	Lý Thu	Lan	13/07/2004	7.2	8.3	7.5	7.6	7.7	Khá		

				Số Đvht : 5 5 5 3								
				Số thứ tự : (1) (2) (3) (4)								
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)	
20	16011014	Vũ Thị Linh	02/02/2004	7.3	7.9	7.1	7.6	7.5	Khá			
21	16011015	Lê Hoài Linh	04/09/2004	7.7	8.4	7.8	7.6	7.9	Khá			
22	16011016	Mai Ngọc Linh	17/12/2004	7.2	7.9	6.9	7.6	7.4	Khá			
23	16011018	Trương Hoài Linh	04/10/2004	7.2	8.4	7.5	7.6	7.7	Khá			
24	16011011	Lò Thị Luyến	04/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
25	16011018	Triệu Thị Ly	27/02/2004	6.9	7.8	7.2	7.3	7.3	Khá			
26	16011023	Ngô Khánh Ly	07/12/2004	7.3	7.8	7.6	2.7	6.8	T.bình khá		1=25.0%(4:0)	
27	16011010	Phùng Thị Ngọc Mai	21/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
28	16011018	Nguyễn Hoàng Mai	04/11/2004	0.0	2.1	0.0	0.0	0.6	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 1 (3.6%), Khá: 12 (42.9%), T.bình khá: 2 (7.1%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 13 (46.4%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) BC: BÀO CHẾ

(2) TCQLD - PCD: TCQL DƯỠC VÀ PC DƯỠC (3) DLLS: DƯỠC LÝ LÂM SÀNG

(4) QLTT-ĐBCLT: QL TỒN TRỮ VÀ ĐBCLT